

BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Hôm nay, ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Công ty CP Kho Vận Tân Cảng (Cảng Tân Cảng Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh). Công ty CP Kho Vận Tân Cảng tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 theo triệu tập của Hội đồng quản trị.

Thời gian tiến hành Đại hội từ 09 giờ 20 đến 11 giờ 30 ngày 26 tháng 6 năm 2020.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; Ban điều hành.
- Các cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông theo danh sách chốt ngày 12/5/2020.
- Đại diện ban Tổng Giám đốc TCT Tân cảng Sài Gòn.

2. Tính hợp lệ của Đại hội:

Công ty đã mời họp theo điều 139-141 Luật doanh nghiệp 2014, Điều 18 điều lệ Công ty. Tại thời điểm khai mạc Đại hội, số cổ đông tham dự đại hội gồm:

- Cổ đông tham dự và người được ủy quyền đến thời điểm 09 giờ 20 phút: 70 người. Tổng số cổ phiếu do các cổ đông tham dự và ủy quyền là: 16.554.810 cổ phần, chiếm 82,81% tổng số cổ phần của Công ty.
- Cổ đông vắng mặt không ủy quyền nắm giữ: 3.436.210 cổ phần, chiếm 17,18% tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ Khoản 1 điều 19 điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đủ điều kiện để tiến hành.

II. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

➤ Ông Nguyễn Văn Hảo thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự:

➤ Bà Mai Thị Trâm – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu công bố tỷ lệ tham dự đại hội.

➤ Ông Nguyễn Văn Hảo giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội gồm 03 thành viên:

- Ông Ngô Văn Ngự
- Ông Trần Quang Thảo
- Ông Đoàn Phi

Đại hội biểu quyết: thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

➤ Ông Ngô Văn Ngự (Chủ tọa) đề cử Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- Ban thư ký Đại hội gồm 02 người:

+ Bà Lương Thị Hồng Diễm

+ Bà Nguyễn Thị Phương Thanh

Đại hội biểu quyết: thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Ban kiểm phiếu gồm 03 người:

+ Ông Đoàn Xuân Phi

+ Ông Đào Tuấn Anh

+ Ông Trần Hải Dương

Đại hội biểu quyết: thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

➤ Ông Ngô Văn Ngự thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Đại hội biểu quyết: thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

➤ Ông Ngô Văn Ngự thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết: thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

B. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

1. Ông Trần Quang Thảo trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2019 (Xem tài liệu đại hội)

2. Ông Trần Quang Thảo trình bày báo cáo kết quả SXKD năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cụ thể như sau:

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019.

2.1.1 Kết quả sản lượng thực hiện năm 2019 Công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
1.	Sản lượng thông qua bãi	Teu	516.973	542.822	628.206	115,73%	121,5%
2.	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.275.955	1.365.015	1.260.927	92,37%	98,8%
3.	Sản lượng vận tải vòng ngoài	Teu	42.963	28.852	30.408	105%	70,78%

2.1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (BCTCHN kiểm toán năm 2019).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	667.960	669.476	712.226	106,39%	106,63%
1. Doanh thu bán hàng	659.418	666.776	701.657	105,23%	106,41%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.645	2.045	7.898	386,21%	118,86%
3. Thu nhập khác	1.429	655	1.969	300,61%	137,84%
4. Phần lỗ, lãi trong cty liên kết	468	-	702		150,07%
II. Tổng chi phí	591.172	589.273	623.520	105,81%	105,47%
1. Giá vốn hàng bán	528.232	522.170	548.740	105,09%	103,88%
2. Chi phí tài chính	13.474	11.328	9.647	85,16%	71,60%
3. Chi phí bán hàng	5.130	7.925	8.912	112,45%	173,71%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.381	46.250	54.609	118,07%	128,85%
5. Chi phí khác	1.955	1.600	1.611	100,69%	82,40%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	76.788	80.203	88.707	110,60%	115,52%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.455	16.541	19.949	120,60%	121,23%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216,71)	-	165		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	60.549	63.662	68.593	107,75%	113,28%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.149	2.223	2.440	109,76%	113,54%

2.1.3 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (BCTC công ty mẹ năm 2019)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	594.703	578.236	614.123	106,21%	103,27%
1. Doanh thu bán hàng	583.780	571.934	601.255	105,13%	102,99%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	9.363	5.652	12.054	213,27%	128,74%
3. Thu nhập khác	1.560	650	815	125,38%	52,24%
II. Tổng chi phí	524.023	504.295	532.110	105,52%	101,54%
1. Giá vốn hàng bán	470.957	443.827	464.508	104,66%	98,63%
2. Chi phí tài chính	9.415	7.818	6.596	84,37%	70,06%
3. Chi phí bán hàng	4.440	7.900	8.857	112,11%	199,48%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.585	43.300	50.622	116,91%	134,69%
5. Chi phí khác	1.626	1.450	1.526	105,24%	93,85%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	70.680	73.941	82.013	110,92%	116,03%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.493	14.558	17.820	122,41%	122,96%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216)		166		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.403	59.383	64.027	107,82%	113,52%

2.2 Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2020.

2.2.1 Kế hoạch sản lượng năm 2020 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng thông qua bãi	Teu	628.206	642.397	102,3%
2	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.260.927	1.147.050	91%
3	Sản lượng vận tải vòng ngoài	cont	22.451	20.430	91%

2.2.2 Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2020 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	712.226	726.304	102,08%
1. Doanh thu bán hàng	701.657	720.816	102,7%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.898	4.685	59,3%
3. Thu nhập khác	1.969	803	40,8%
4. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	702	-	0%
II. Tổng chi phí	623.520	640.763	102,8%
1. Giá vốn hàng bán	548.740	571.238	104,1%
2. Chi phí tài chính	9.647	9.345	96,9%
3. Chi phí bán hàng	8.912	12.793	143,5%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.609	45.885	84,0%
5. Chi phí khác	1.611	1.502	93,2%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	88.707	85.541	96,4%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	19.949	17.976	90,1%

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	165	-	0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	68.593	67.565	98,5%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.440	2.235	91,6%

2.2.3 Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2020 (Công ty mẹ):

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	614.123	597.117	97,23%
1. Doanh thu bán hàng	601.255	587.188	97,66%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.054	9.129	75,73%
3. Thu nhập khác	815	800	98,16%
II. Tổng chi phí	532.110	520.585	97,83%
1. Giá vốn hàng bán	464.508	462.884	99,65%
2. Chi phí tài chính	6.596	6.318	95,79%
3. Chi phí bán hàng	8.857	11.250	127,02%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.622	38.883	76,81%
5. Chi phí khác	1.526	1.250	81,91%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	82.013	76.532	93,32%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.820	15.281	85,75%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	166		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	64.027	61.251	95,66%

3. Ông Trần Quang Thảo trình bày kết quả đầu tư năm 2019, kế hoạch đầu tư năm 2020

3.1 Kết quả đầu tư năm 2019.

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	89.885	12.784	14,22%
1	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái giai đoạn 2 (Kho 06)	53.000	10.927	26,61%
2	Cải tạo Cảng Mở (bỏ khu văn phòng, quy hoạch thành bãi)	1.000	0	0%
3	Khu nhà chờ HTX (di dời, xây mới)	900	896	100%
5	Cải tạo văn phòng kho số 2,3 Cát Lái (Kho 18.000)	1.000	961	96,1%
6	Đầu tư xây dựng Kho bãi tại KCN Cát Lái	31.485	0	0%

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
	2			
7	Nâng cấp Line cầu RTG 6+1	3.500	0	0%
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	8.775	5.584	63,63%
1	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (WMSVN + Thái Sơn)	3.000	1.992	66,4%
2	Phân hệ hóa đơn điện tử cho kho ngoại quan	300		
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	3.000	2.872	95,7%
4	Nâng cấp phần mềm WMSVN GD3	1.000	0	0%
5	Cont văn phòng bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	0	0%
6	Thiết bị PCCC bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000	0	0%
7	Yard Map TopX bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	0	0%
8	Mua 01 xe dầu kéo chạy nội bộ	-	720	
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	43.440	0	0%
	Cảng thủy nội địa Q9	43.440	0	0%
IV	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	4.020	4.020	100%
	Góp vốn vào Cty CP Tân Cảng Hiệp Lực	4.020	4.020	100%
TỔNG CỘNG		146.120	22.388	15,32%

3.2 Kế hoạch đầu tư năm 2020.

STT	Hạng mục	Giá trị	Ghi chú
I.	Đầu tư xây dựng cơ bản	44.373	
1.	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái GD 2 (Kho 06)	42.073	
2.	Trang bị mái Canopy kho 2,3 (D: 214 x R 8.2)	2.300	
II.	Đầu tư thiết bị, công nghệ	31.568	
1.	Phân hệ hóa đơn điện tử kho ngoại quan	300	
2.	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (Thái Sơn)	1.008	
3.	Nâng cấp phần mềm WMSVN (GD3)	1.000	
4.	Cont văn phòng Bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	
5.	Thiết bị PCCC Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000	
6.	Yard Map TOPX Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	
7.	Xe nâng điện cho kho 6	3.000	
8.	Xe nâng dầu kho 6	1.800	
9.	Triển khai dịch vụ khử trùng trên eport	260	
10.	Xe thang nâng người phục vụ khử trùng	1.600	
11.	WMSVN – Quản lý công tự động	2.200	

STT	Hạng mục	Giá trị	Ghi chú
12.	WMSVN – Làm hàng thanh toán qua mạng	4.500	
13.	Thiết bị handheld (Xe nâng, đầu kéo, xe nâng điện, thủ kho)	3.000	
14.	Xe nâng rỗng tại Depot Tân Cảng – Suối Tiên	10.000	
III.	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	25.000	
1.	Góp vốn vào công ty CP Tân Cảng Express	25.000	
TỔNG CỘNG		100.941	

4. Ông Trần Quang Thảo – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo tài chính năm 2019 (riêng và hợp nhất) đã kiểm toán (xem tài liệu ĐHCĐ thường niên 2020).
5. Bà Mai Thị Trâm – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.
6. Ông Trần Quang Thảo – Thành viên HĐQT trình bày các tờ trình:

.1. Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019;

Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

.2. Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch năm 2020;

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:**

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019	: 68.592.841.308 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận	: 3.332.634.029 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	: 3.332.634.029 đ
Lợi nhuận phân phối	: 65.260.207.279 đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	: 7.186.837.078 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	: 16.208.494.983 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành từ lợi nhuận Công ty mẹ	: 481.953.000 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành từ lợi nhuận Công ty con	: 200.000.000 đ
Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2019 (Cty Mẹ):	123.273.577.866 đ
+ Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (20%/Vốn điều lệ):	29.990.190.000 đ
+ Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt (20%/Vốn điều lệ):	39.982.040.000 đ + Lợi
nhuận chưa PP lũy kế còn lại (Công ty mẹ)	: 53.301.347.866 đ

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 6.402.717.095 đồng; công ty con: 784.119.983 đồng).

⁽²⁾ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 15.424.375.000 đồng, các công

ty con: 784.119.983 đồng).

➤ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

Năm 2020, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHĐCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2020	: 61.251.283.126 đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	: 6.125.128.313 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	: 17.734.875.000 đ
	(1,8 tháng lương bình quân)
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	: 393.525.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức (18%/Vốn điều lệ)	: 35.996.864.400 đ
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 còn lại	: 1.000.890.413 đ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền	
+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.	

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

.3. Về việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020;

➤ **Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

Số tiền thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 456.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), thư ký 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) bằng với mức duyệt chi tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

➤ Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng	
I	Hội đồng quản trị	05				
1	Chủ tịch	01				
1.1	Chủ tịch không chuyên trách		8.000.000	40.000.000	40.000.000	Miễn nhiệm ngày 29/5/2020(Thời gian hưởng thù lao năm 2020 là 05 tháng)
1.2	Chủ tịch chuyên trách		0	0		Bổ nhiệm từ ngày 3/6/2020. Hưởng lương theo chế độ tiền lương thưởng chuyên trách
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000	
II	Ban kiểm soát	03				
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000	
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000	
III	Thư ký	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000	
TỔNG CỘNG					460.000.000	

6.4. Về việc trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH

1. Mục đích:

Bổ sung quỹ phúc lợi nhằm đảm bảo mức thu nhập cho NLĐ năm 2020 ngang bằng với năm 2019.

2. Chi tiết như sau :

2.1 Lợi nhuận sau thuế phân phối đã được ĐHCĐ thông qua:

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	Thực hiện	% TH/KH
Lợi nhuận sau thuế	56.889.134.598	129,3%
Quỹ Đầu tư phát triển đã trích (10%)	5.688.913.460	
Quỹ KTPL đã trích (15%)	8.533.370.190	129,3%
Quỹ thưởng Ban QLĐH đã trích	817.911.363	
Chia cổ tức (18%)	26.996.864.400	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.852.075.186	

2.2 Kế hoạch trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi:

Chỉ tiêu	Năm 2016
Quỹ lương NLD	100.500.000.000
Quỹ KTPL đã trích theo sổ sách	8.533.370.190
Quỹ KTPL được trích theo Thông tư	25.125.000.000
Chênh lệch được trích bổ sung	16.591.629.810
Số trích bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông ⁽¹⁾	14.852.075.186

(Bảng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng)

(1): Số trích bổ sung bằng với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại của năm 2016.

- Ghi chú: Theo TT28/2016/TT-BLĐTBXH

- Lợi nhuận thực hiện = Lợi nhuận kế hoạch thì trích tối đa 03 tháng lương bình quân.

- Lợi nhuận thực hiện > Lợi nhuận KH thì ngoài trích tối đa 03 tháng lương bình quân, được trích thêm 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch nhưng tối đa không quá 3 tháng lương bình quân.

Lợi nhuận thực hiện < lợi nhuận KH thì trích tối đa 3 tháng lương bình quân * tỷ lệ % giữa LNTH so với LNKH.

6.5. Về việc chấp thuận phương án trả lương năm 2020

1. **Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động là 118.232.500.000 đồng** (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 597.116.578.351 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 76.531.881.076 đồng).

2. **Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý: 3.508.763.400 đồng.**

Quỹ lương thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

6.6. Về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

1. Đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

- Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội

6.7. Về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ)

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng...

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

6.8. Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

(Xem tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020)

6.9. Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

(Xem tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020)

6.10. Về việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2024

1. Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT : 05 người
- Nhiệm kỳ : 2020 – 2024
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Khoản 1 Điều 151

Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)

2. Ban Kiểm soát:

- Số lượng Kiểm soát viên : 03 người
- Nhiệm kỳ : 2020 – 2024
- Số lượng ứng viên KSV tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 164 của Luật doanh

nghiệp 68/2014/QH13 và Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử TV HĐQT và KSV được áp dụng theo quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và KSV tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

3. Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	NHIỆM KỲ
1	Ngô Văn Ngự	2020-2024
2	Trần Quang Thảo	2020-2024
3	Trịnh Văn Mọi	2020-2024
4	Đoàn Phi	2020-2024
5	Đỗ Xuân Minh	2020-2024

4. Thông qua danh sách ứng viên Ban kiểm Soát.

STT	HỌ VÀ TÊN	NHIỆM KỲ
1	Mai Thị Trâm	2020-2024
2	Nguyễn Hồng Sơn	2020-2024
3	Ngô Đa NghiêM Minh	2020-2024

C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

Các đại biểu tham dự đại hội trực tiếp cho Đoàn Chủ tịch và được Đoàn Chủ tịch trả lời trực tiếp tại Đại hội. Sau khi trả lời các câu hỏi của cổ đông, không có cổ đông nào có ý kiến gì thêm. Phần thảo luận kết thúc

D. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Đến thời điểm 10 giờ, 38 phút, khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung, cổ đông tham dự và cổ đông được ủy quyền tham dự là 74 người, đại diện cho 17.144.537 cổ phần, chiếm 85,7612% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Ông Đoàn Xuân Phi – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị 2019;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát 2019;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

3. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

4. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

5. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019, kế hoạch chi trả 2020;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

6. Tờ trình chấp thuận phương án điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016.

Tán thành : 17.123.409 cổ phần chiếm 99,8768 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 21.128 Cổ phần chiếm 0,1232% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

7. Tờ trình phương án trả lương 2020;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

9. Tờ trình “về việc đề nghị chấp thuận ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Tán thành : 5.347.487 Cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

12. Tờ trình bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2024;

Tán thành : 17.144.537 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Không có ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

E. ĐẠI HỘI BẦU CỬ VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CỬ

1. Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ
1	Ngô Văn Ngự	100,00%
2	Trần Quang Thảo	99,97%
3	Trịnh Văn Mọi	99,97%
4	Đoàn Phi	99,97%
5	Đỗ Xuân Minh	99,97%

2. Danh sách trúng cử Ban kiểm Soát.

STT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ
1	Mai Thị Trâm	99,94%
2	Nguyễn Hồng Sơn	99,94%
3	Ngô Đa NghiêM Minh	99,94%

F. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI


Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phương Thanh đọc Biên bản Đại hội

Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo thông qua Nghị quyết Đại hội

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

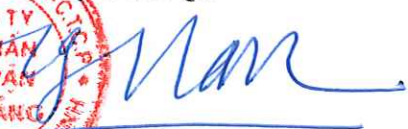
Đại hội kết thúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. 

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Phương Thanh

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
Chủ tịch HĐQT



Ngô Văn Ngự



TAN CANG
WAREHOUSING

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

ĐT: (028) 37423929 Fax: (028) 37422014

Website : www.tancangwarehousing.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 6 năm 2020

Số: 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/6/2020,

QUYẾT NGHỊ

Ngày 26/6/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng được tổ chức với sự tham gia của 74 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 17.144.537 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 85,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của hoạt động của HĐQT 2019.

Điều 2: Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019 kế hoạch 2020.

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2019 Công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
1.	Sản lượng thông qua bãi	Teu	516.973	542.822	628.206	115,73%	121,5%
2.	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.275.955	1.365.015	1.260.927	92,37%	98,8%
3.	Sản lượng vận tải vòng ngoài	Teu	42.963	28.852	30.408	105%	70,78%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (BCTCHN kiểm toán năm 2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	667.960	669.476	712.226	106,39%	106,63%
1. Doanh thu bán hàng	659.418	666.776	701.657	105,23%	106,41%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.645	2.045	7.898	386,21%	118,86%
3. Thu nhập khác	1.429	655	1.969	300,61%	137,84%
4. Phần lỗ, lãi trong cty liên kết	468	-	702		150,07%
II. Tổng chi phí	591.172	589.273	623.520	105,81%	105,47%
1. Giá vốn hàng bán	528.232	522.170	548.740	105,09%	103,88%
2. Chi phí tài chính	13.474	11.328	9.647	85,16%	71,60%
3. Chi phí bán hàng	5.130	7.925	8.912	112,45%	173,71%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.381	46.250	54.609	118,07%	128,85%
5. Chi phí khác	1.955	1.600	1.611	100,69%	82,40%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	76.788	80.203	88.707	110,60%	115,52%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.455	16.541	19.949	120,60%	121,23%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216,71)	-	165		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	60.549	63.662	68.593	107,75%	113,28%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.149	2.223	2.440	109,76%	113,54%

3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (BCTC công ty mẹ năm 2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	594.703	578.236	614.123	106,21%	103,27%
1. Doanh thu bán hàng	583.780	571.934	601.255	105,13%	102,99%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	9.363	5.652	12.054	213,27%	128,74%
3. Thu nhập khác	1.560	650	815	125,38%	52,24%
II. Tổng chi phí	524.023	504.295	532.110	105,52%	101,54%
1. Giá vốn hàng bán	470.957	443.827	464.508	104,66%	98,63%
2. Chi phí tài chính	9.415	7.818	6.596	84,37%	70,06%
3. Chi phí bán hàng	4.440	7.900	8.857	112,11%	199,48%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so KH 2019	% so với cùng kỳ
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.585	43.300	50.622	116,91%	134,69%
5. Chi phí khác	1.626	1.450	1.526	105,24%	93,85%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	70.680	73.941	82.013	110,92%	116,03%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.493	14.558	17.820	122,41%	122,96%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(216)		166		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	56.403	59.383	64.027	107,82%	113,52%

II. Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2020.

1. Kế hoạch sản lượng năm 2020 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng thông qua bãi	Teu	628.206	642.397	102,3%
2	Sản lượng thông qua kho	Tấn	1.260.927	1.147.050	91%
3	Sản lượng vận tải vòng ngoài	cont	22.451	20.430	91%

2. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2020 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	712.226	726.304	102,08%
1. Doanh thu bán hàng	701.657	720.816	102,7%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.898	4.685	59,3%
3. Thu nhập khác	1.969	803	40,8%
4. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	702	-	0%
II. Tổng chi phí	623.520	640.763	102,8%
1. Giá vốn hàng bán	548.740	571.238	104,1%
2. Chi phí tài chính	9.647	9.345	96,9%
3. Chi phí bán hàng	8.912	12.793	143,5%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.609	45.885	84,0%

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
5. Chi phí khác	1.611	1.502	93,2%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	88.707	85.541	96,4%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	19.949	17.976	90,1%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	165	-	0%
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	68.593	67.565	98,5%
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.440	2.235	91,6%

3. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2020 (Công ty mẹ):

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	614.123	597.117	97,23%
1. Doanh thu bán hàng	601.255	587.188	97,66%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.054	9.129	75,73%
3. Thu nhập khác	815	800	98,16%
II. Tổng chi phí	532.110	520.585	97,83%
1. Giá vốn hàng bán	464.508	462.884	99,65%
2. Chi phí tài chính	6.596	6.318	95,79%
3. Chi phí bán hàng	8.857	11.250	127,02%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.622	38.883	76,81%
5. Chi phí khác	1.526	1.250	81,91%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	82.013	76.532	93,32%
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.820	15.281	85,75%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	166		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	64.027	61.251	95,66%

Điều 3: Thông qua kết quả đầu tư năm 2019, kế hoạch đầu tư năm 2020.

1. Kết quả đầu tư năm 2019.

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	89.885	12.784	14,22%
1	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái giai đoạn 2 (Kho 06)	53.000	10.927	26,61%
2	Cải tạo Cảng Mở (bỏ khu văn phòng, quy	1.000	0	0%

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
	hoạch thành bãi)			
3	Khu nhà chờ HTX (di dời, xây mới)	900	896	100%
5	Cải tạo văn phòng kho số 2,3 Cát Lái (Kho 18.000)	1.000	961	96,1%
6	Đầu tư xây dựng Kho bãi tại KCN Cát Lái 2	31.485	0	0%
7	Nâng cấp Line cầu RTG 6+1	3.500	0	0%
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	8.775	5.584	63,63%
1	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (WMSVN + Thái Sơn)	3.000	1.992	66,4%
2	Phân hệ hóa đơn điện tử cho kho ngoại quan	300		
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	3.000	2.872	95,7%
4	Nâng cấp phần mềm WMSVN GD3	1.000	0	0%
5	Cont văn phòng bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	0	0%
6	Thiết bị PCCC bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000	0	0%
7	Yard Map TopX bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	0	0%
8	Mua 01 xe đầu kéo chạy nội bộ	-	720	
III	ĐẦU TƯ DỰ ÁN	43.440	0	0%
	Cảng thủy nội địa Q9	43.440	0	0%
IV	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN	4.020	4.020	100%
	Góp vốn vào Cty CP Tân Cảng Hiệp Lực	4.020	4.020	100%
TỔNG CỘNG		146.120	22.388	15,32%

2. Kế hoạch đầu tư năm 2020.

STT	Hạng mục	Giá trị	Ghi chú
I.	Đầu tư xây dựng cơ bản	44.373	
1.	Đầu tư XD kho CFS Cát Lái GD 2 (Kho 06)	42.073	
2.	Trang bị mái Canopy kho 2,3 (D: 214 x R 8.2)	2.300	
II.	Đầu tư thiết bị, công nghệ	31.568	
1.	Phân hệ hóa đơn điện tử kho ngoại quan	300	
2.	Phần mềm kết nối Hải quan tự động (Thái Sơn)	1.008	
3.	Nâng cấp phần mềm WMSVN (GD3)	1.000	
4.	Cont văn phòng Bãi 3.2 ha Phú Hữu	360	
5.	Thiết bị PCCC Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.000	

STT	Hạng mục	Giá trị	Ghi chú
6.	Yard Map TOPX Bãi 3.2 ha Phú Hữu	1.540	
7.	Xe nâng điện cho kho 6	3.000	
8.	Xe nâng dầu kho 6	1.800	
9.	Triển khai dịch vụ khử trùng trên eport	260	
10.	Xe thang nâng người phục vụ khử trùng	1.600	
11.	WMSVN – Quản lý công tự động	2.200	
12.	WMSVN – Làm hàng thanh toán qua mạng	4.500	
13.	Thiết bị handheld (Xe nâng, đầu kéo, xe nâng điện, thủ kho)	3.000	
14.	Xe nâng rỗng tại Depot Tân Cảng – Suối Tiên	10.000	
III.	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	25.000	
1.	Góp vốn vào công ty CP Tân Cảng Express	25.000	
TỔNG CỘNG		100.941	

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Điều 6. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019	: 68.592.841.308 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận	: 3.332.634.029 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	: 3.332.634.029 đ
Lợi nhuận phân phối	: 65.260.207.279 đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	: 7.186.837.078 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	: 16.208.494.983 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành từ lợi nhuận Công ty mẹ	: 481.953.000 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành từ lợi nhuận Công ty con	: 200.000.000 đ
Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến hết 31/12/2019 (Cty Mẹ):	123.273.577.866 đ
+ Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (20%/Vốn điều lệ):	29.990.190.000 đ
+ Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt (20%/Vốn điều lệ):	39.982.040.000 đ
+ Lợi nhuận chưa PP lũy kế còn lại (Công ty mẹ)	: 53.301.347.866 đ

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 6.402.717.095 đồng; công ty con: 784.119.983 đồng).

(2) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 15.424.375.000 đồng, các công ty con: 784.119.983 đồng).

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

Năm 2020, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHĐCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2020	: 61.251.283.126 đ
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	: 6.125.128.313 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	: 17.734.875.000 đ
	(1,8 tháng lương bình quân)
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	: 393.525.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức (18%/Vốn điều lệ)	: 35.996.864.400 đ
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 còn lại	: 1.000.890.413 đ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền	
+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.	

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2020 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 7: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch trả thù lao năm 2020.

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					516.000.000

2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020.

ST T	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị	05				
1	Chủ tịch	01				
1.1	Chủ tịch không chuyên trách		8.000.000	40.000.000	40.000.000	Miễn nhiệm ngày 29/5/2020(Thời gian hưởng thù lao năm 2020 là 05 tháng)
1.2	Chủ tịch chuyên trách		0	0		Bổ nhiệm từ ngày 3/6/2020. Hưởng lương theo chế độ tiền lương thưởng chuyên trách
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000	
II	Ban kiểm soát	03				
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000	
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000	
III	Thư ký	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000	
TỔNG CỘNG					460.000.000	

Điều 8: Thông qua tờ trình chấp thuận phương án trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016.

Chỉ tiêu	Năm 2016
Quỹ lương NLĐ	100.500.000.000
Quỹ KTPL đã trích theo sổ sách	8.533.370.190
Quỹ KTPL được trích theo Thông tư	25.125.000.000
Chênh lệch được trích bổ sung	16.591.629.810
Số trích bổ sung	14.852.075.186

Bằng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi sáu đồng)

Điều 9: Thông qua tờ trình phương án trả lương năm 2020.

1. **Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động là 118.232.500.000 đồng** (tương ứng với mức doanh thu kế hoạch là 597.116.578.351 đồng và lợi nhuận trước thuế kế hoạch 76.531.881.076 đồng).

2. **Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý: 3.508.763.400 đồng.**

Quỹ lương thực hiện năm 2020 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2020 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

Điều 10: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020.

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2020.

Điều 11: Thông qua tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ).

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng...

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Điều 12: Thông qua tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty.

Điều 13 : Thông qua tờ trình về việc sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 14 : Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ
1	Ngô Văn Ngự	100,0119%
2	Trần Quang Thảo	99,9709%
3	Trịnh Văn Mọi	99,9709%
4	Đoàn Phi	99,9709%
5	Đỗ Xuân Minh	99,9709%

2. Danh sách trúng cử Ban kiểm Soát.

STT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ
1	Mai Thị Trâm	99,9370%
2	Nguyễn Hồng Sơn	99,9370%
3	Ngô Đa NghiêM Minh	99,9370%

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và có hiệu lực từ ngày 26/6/2020.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Ngự
Ngô Văn Ngự